

TRANH CHẤP VỀ
chống bán phá giá
trong **WTO**

VCCI

PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

TRANH CHẤP VỀ chống bán phá giá trong WTO

VCCI

PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
Hàng đầu tư vấn về cuộc đàm phán tại WTO - cuộc họp cấp - tự vệ

Hội đồng Tư vấn về Phòng vệ Thương mại
Trung tâm WTO
PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
9 Đào Duy Anh - Hà Nội
Tel: 04-35771458
Fax: 04-35771459
Website: www.chongbanphagia.vn; www.antidumping.vn
Biên tập: Phùng Thị Lan Phương

THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG WTO

GIỚI THIỆU VỀ CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG WTO

GIỚI THIỆU CHUNG

Cơ chế giải quyết tranh chấp trong WTO là sự kế thừa các qui định về giải quyết tranh chấp đã từng phát huy tác dụng tích cực gần 50 năm qua trong lịch sử GATT 1947. Rút kinh nghiệm từ những bất cập trong cơ chế cũ, một số cải tiến căn bản về thủ tục đã được đưa vào cơ chế mới, góp phần không nhỏ trong việc nâng cao tính chất xét xử của thủ tục này cũng như tăng cường tính ràng buộc của các quyết định giải quyết tranh chấp. Cho đến nay cơ chế này đã giải quyết tranh chấp cho **58** vụ liên quan đến biện pháp chống bán phá giá, **20** vụ liên quan đến biện pháp chống trợ cấp và **25** vụ liên quan đến biện pháp tự vệ.

Trên cơ sở các qui định rời rạc về giải quyết tranh chấp trong GATT, WTO đã thành công trong việc thiết lập một cơ chế pháp lý đầy đủ, chi tiết trong một văn bản thống nhất để giải quyết tranh chấp thương mại giữa các thành viên WTO: **Thỏa thuận về các Quy tắc và Thủ tục điều chỉnh việc giải quyết tranh chấp (DSU)** - Phụ lục 2 Hiệp định Marrakesh thành lập WTO.

MỤC TIÊU VÀ CHỨC NĂNG

Mục tiêu căn bản của cơ chế giải quyết tranh chấp trong WTO là nhằm "đạt được một giải pháp tích cực cho tranh chấp", và ưu tiên những "giải pháp được các bên tranh chấp cùng chấp thuận và phù hợp với các Hiệp định liên quan". Xét ở mức độ rộng hơn, cơ chế này nhằm cung cấp các thủ tục đa phương giải quyết tranh chấp thay thế cho các hành động đơn phương của các quốc gia thành viên vốn tồn tại nhiều nguy cơ bất công, gây trì trệ và xáo trộn sự vận hành chung của các qui tắc thương mại quốc tế.

Cơ chế giải quyết tranh chấp trong WTO có 3 chức năng chính:

- Mang lại an toàn và khả năng dự đoán trước cho hệ thống thương mại đa phương
- Làm rõ quyền và nghĩa vụ thông qua việc giải thích luật
- Tạo ra thiện chí nỗ lực giải quyết tranh chấp

CÁC LOẠI KHIẾU KIẾN

Các khiếu kiện có thể được giải quyết theo cơ chế giải quyết tranh chấp trong WTO được qui định tại Điều XXIII.1 GATT 1994 bao gồm:

- Khiếu kiện có vi phạm (violation complaint): khiếu kiện phát sinh khi một quốc gia thành viên không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo qui định tại Hiệp định (trong trường hợp này thiệt hại được suy đoán là đương nhiên).

- Khiếu kiện không vi phạm (non-violation complaint): là loại khiếu kiện phát sinh khi một quốc gia ban hành một biện pháp thương mại gây thiệt hại (làm mất hay phương hại đến) các lợi ích mà quốc gia khiếu kiện có được từ Hiệp định hoặc cản trở việc thực hiện một trong các mục tiêu của Hiệp định - không phụ thuộc vào việc biện pháp đó có vi phạm Hiệp định hay không.

- Khiếu kiện dựa trên "sự tổn tại một tình huống khác" ("situation" complaint): trong trường hợp này, quốc gia khiếu kiện cũng phải chứng minh về thiệt hại mà mình phải chịu hoặc trở ngại gây ra đối với việc đạt được một mục tiêu của Hiệp định.

CÁC CƠ QUAN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Thủ tục giải quyết tranh chấp trong WTO được thực hiện bởi các cơ quan khác nhau, mỗi cơ quan có chức năng riêng biệt, tạo nên tính độc lập trong hoạt động điều tra và thông qua quyết định trong cơ chế này.

- Cơ quan giải quyết tranh chấp (DSB)

Cơ quan này thực chất là Đại hội đồng WTO, bao gồm đại diện của tất cả các quốc gia thành viên. DSB có quyền thành lập Ban hội thẩm, thông qua các báo cáo của Ban hội thẩm và của Cơ quan phúc thẩm, giám sát việc thi hành các quyết định, khuyến nghị giải quyết tranh chấp, cho phép đình chỉ thực hiện các nghĩa vụ và nhượng bộ (trả đũa). Tuy nhiên, DSB chỉ là cơ quan thông qua quyết định chứ không trực tiếp thực hiện việc xem xét giải quyết tranh chấp.

- Ban hội thẩm (Panel)

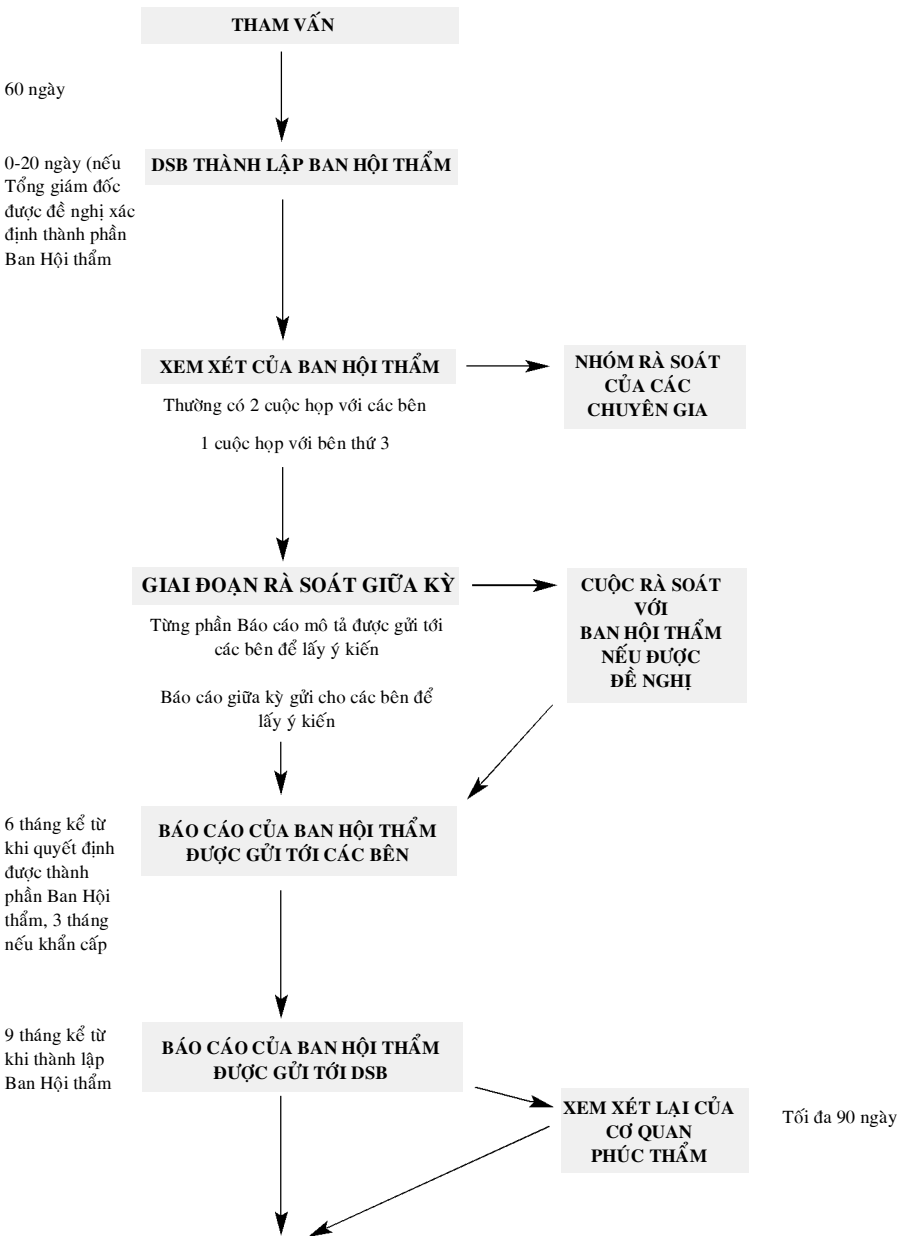
Ban này bao gồm từ 3 - 5 thành viên có nhiệm vụ xem xét một vấn đề cụ thể bị tranh chấp trên cơ sở các qui định WTO được quốc gia nguyên đơn viện dẫn. Kết quả công việc của Ban hội thẩm là một báo cáo trình DSB thông qua, giúp DSB đưa ra các khuyến nghị đối với các Bên tranh chấp. Trên thực tế thì đây là cơ quan trực tiếp giải quyết tranh chấp mặc dù không nắm quyền quyết định.

- Cơ quan Phúc thẩm (Appellate Body)

Cơ quan Phúc thẩm, bao gồm 7 thành viên do DSB bổ nhiệm, là một thiết chế mới trong cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO, cho phép báo cáo của Ban hội thẩm được xem xét lại (khi có yêu cầu), đảm bảo tính đúng đắn của báo cáo giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, Cơ quan Phúc thẩm chỉ xem xét lại các khía cạnh pháp lý và giải thích pháp luật trong Báo cáo của Ban hội thẩm chứ không điều tra lại các yếu tố thực tiễn của tranh chấp. Kết quả làm việc của Cơ quan Phúc thẩm là một báo cáo trong đó Cơ quan này có thể giữ nguyên, sửa đổi hoặc đảo ngược lại các kết luận trong báo cáo của Ban hội thẩm. Báo cáo của Cơ quan Phúc thẩm được thông qua tại DSB và không thể bị phản đối hay khiếu nại tiếp.

THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG WTO

QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG WTO



60 ngày đối với
Báo cáo của Ban
Hội thẩm trừ khi
có yêu cầu
phức thẩm

DSB THÔNG QUA BÁO CÁO

của Ban Hội thẩm/Cơ quan Phúc thẩm
bao gồm cả những thay đổi do Cơ quan
Phúc thẩm đưa ra so với Báo cáo của
Ban Hội thẩm

30 ngày đối với Báo cáo của
Cơ quan Phúc thẩm

**TỔNG THỜI GIAN
THÔNG QUA
BÁO CÁO**
thường là 9 tháng
(nếu không có
kháng cáo) hoặc 12
tháng với kháng cáo
phức thẩm kể từ khi
thành lập Ban Hội
thẩm tới khi
thông qua Báo cáo

"Khoảng thời
gian hợp lý"
được xác định
thông qua:
Thành viên đề
nghị, DSB thông
qua hoặc các
bên tranh chấp
thỏa thuận hoặc
do trọng tài

THỰC THI

Báo cáo của bên thua kiện về dự
kiến thi hành trong khoảng thời gian
hợp lý

TRANH CHẤP VỀ VIỆC THỰC THI

Có thể tiến hành thủ tục tiếp
theo bao gồm cả việc
chuyển vấn đề tới Ban Hội
thẩm ban đầu để quyết định
về việc thực thi

Trong trường hợp không tự
nguyện thi hành

CÁC BÊN ĐÀM PHÁN BỒI THƯỜNG

trong khi chờ thực thi đầy đủ

90 ngày

30 ngày sau
khoảng thời
gian hợp lý hết
hiệu lực

TRẢ ĐŨA

Nếu không thỏa thuận được
về bồi thường, DSB cho
phép trả đũa trong khi chờ
thực thi đầy đủ

**KHẢ NĂNG SỬ DỤNG
TRỌNG TÀI
QUYẾT ĐỊNH MỨC ĐỘ
ĐÌNH CHỈ, CÁC THỦ
TỤC VÀ NGUYÊN TẮC
TRẢ ĐŨA**

MỤC LỤC

TÓM TẮT VỤ KIẾN (CẬP NHẬT ĐẾN NGÀY 19/05/2010)

CÁC VỤ KIẾN LIÊN QUAN ĐẾN AI CẬP	15
DS211 - Thép rebar (Thổ Nhĩ Kỳ)	15
DS327 - Diêm (Pakistan)	20
CÁC VỤ KIẾN LIÊN QUAN ĐẾN ẤN ĐỘ	21
DS304 - Một số sản phẩm (EC)	21
DS306 - Pin (Bangladesh)	23
DS318 - Một số sản phẩm (Đài Loan)	25
CÁC VỤ KIẾN LIÊN QUAN ĐẾN ACHENTINA	27
DS157 - Mũi khoan (Ý)	27
DS189 - Ceramic (Ý)	28
DS241 - Gia cầm (Braxin)	31
DS410 - Chốt cài và dây xích (Peru)	33
CÁC VỤ KIẾN LIÊN QUAN ĐẾN AUSTRALIA	34
DS119 - Giấy phủ không dùng gỗ (Thụy Sĩ)	34
CÁC VỤ KIẾN LIÊN QUAN ĐẾN BRAXIN	35
DS355 - Nhựa thông (Achentina)	35
DS229 - Túi đay (Ấn Độ)	37
CÁC VỤ KIẾN LIÊN QUAN ĐẾN CANADA	38
DS338 - Ngũ cốc (Hoa Kỳ)	38
CÁC VỤ KIẾN LIÊN QUAN ĐẾN CHI LÊ	39
DS393 - Bột mì (Achentina)	39

CÁC VỤ KIẾN LIÊN QUAN ĐẾN EC	40
DS140 - Cotton thô (Ấn Độ)	40
DS141 - Khăn trải giường cotton (Ấn Độ)	41
DS219 - Ống sắt đúc (Braxin)	46
DS313 - Sắt thép cán cuộn phi hợp kim (Ấn Độ)	49
DS337 - Cá hồi nuôi (Na-uy)	50
DS385 - PET (Ấn Độ)	52
DS397 - Chốt cài bằng sắt hoặc thép (Trung Quốc)	53
DS405 - Giày da (Trung Quốc)	55
 CÁC VỤ KIẾN LIÊN QUAN ĐẾN ECUADOR	 56
DS191 - Xi măng (Mexico)	56
 CÁC VỤ KIẾN LIÊN QUAN ĐẾN GUATEMALA	 57
DS60, DS156 - Xi măng Porland (Mexico)	57
 CÁC VỤ KIẾN LIÊN QUAN ĐẾN HÀN QUỐC	 62
DS312 - Giấy (Indonesia)	62
 CÁC VỤ KIẾN LIÊN QUAN ĐẾN HOA KỲ	 68
DS49 - Cà chua tươi và đông lạnh (Mexico)	68
DS63 - Ure (Cộng hòa Dân chủ Đức (trước đây))	69
DS89 - Tivi màu (Hàn Quốc)	70
DS99 - DRAMS (Hàn Quốc)	71
DS136 - Đạo luật Chống bán phá giá 1916 (EC)	73
DS162 - Đạo luật Chống bán phá giá 1916 (Nhật Bản)	75
DS179 - Thép tấm cuộn, thép tấm và thép dây không gỉ (Hàn Quốc)	80
DS184 - Thép cuộn cán nóng (Nhật Bản)	83
DS206 - Thép tấm (Ấn Độ)	88
DS217 - Đạo luật Đền bù Trợ cấp và Phá giá năm 2000 (Australia; Braxin; Chi lê; EC; Ấn Độ; Indonesia; Nhật Bản; Hàn Quốc; Thái Lan)	90
DS 234 - Đạo luật Đền bù Trợ cấp và Phá giá năm 2000 (Canada; Mexico)	90
DS221 - Mục 129(c)(1) của Đạo luật về các Hiệp định Vòng đàm phán Uruguay (Canada)	95
DS225 - Ống đúc (Ý)	97
DS239 - Silic (Braxin)	98
DS244 - Thép tấm cacbon chống mài mòn (Nhật Bản)	99
DS247 - Gỗ xẻ mềm (Canada)	102
DS262 - Một số sản phẩm thép (Pháp, Đức)	103
DS264 - Gỗ xẻ mềm (Canada)	104
DS268 - Ống dẫn dầu (Argentina)	109

DS277 - Gỗ xẻ mềm (Canada)	116
DS281 - Xi măng (Mexico)	120
DS282 - Ống dẫn dầu (Mexico)	122
DS294 - Phương pháp "Quy về 0" - "Zeroing" (EC)	126
DS310 - Lúa mì (Canada)	134
DS319 - Mục 776 của Đạo luật Thuế quan 1930 (EC)	135
DS322 - Phương pháp "Quy về 0" và Rà soát Hoàng hôn (Nhật Bản)	136
DS325 - Thép không gỉ (Mexico)	142
DS335 - Tôm (Ecuador)	143
DS343 - Tôm (Thái Lan)	145
DS344 - Thép không gỉ (Mexico)	148
DS345 - Tôm nước ấm đông lạnh (Ấn Độ)	152
DS346 - Ống dẫn dầu (Argentina)	156
DS350 - Phương pháp "Quy về 0" - "Zeroing" (EC)	157
DS368 - Giấy tẩm không phủ (Trung Quốc)	162
DS379 - Một số sản phẩm (Trung Quốc)	163
DS382 - Cam (Braxin)	164
DS383 - Túi nhựa đựng hàng bán lẻ (Thái Lan)	166
DS 402 - Phương pháp "Quy về 0" - "Zeroing" (Hàn Quốc)	168
DS404 - Tôm nước ấm đông lạnh (Việt Nam)	169

CÁC VỤ KIẾN LIÊN QUAN ĐẾN MEXICO	172
DS101/DS132 - Siro ngô (Hoa Kỳ)	172
DS216 - Máy biến thế (Braxin)	175
DS295 - Thịt bò và Gạo (Hoa Kỳ)	176
DS331 - Thép (Guatemala)	179

CÁC VỤ KIẾN LIÊN QUAN ĐẾN NAM PHI	181
DS168 - Dược phẩm (Ấn Độ)	181
DS268 - Chăn cuộn (Thổ Nhĩ Kỳ)	182
DS374 - Giấy hóa chất không phủ (Indonesia)	183

CÁC VỤ KIẾN LIÊN QUAN ĐẾN PERU	184
DS272 - Dầu thực vật (Argentina)	184

CÁC VỤ KIẾN LIÊN QUAN ĐẾN PHILIPPINES	185
DS215 - Nhựa thông Polypropylene (Hàn Quốc)	185

CÁC VỤ KIẾN LIÊN QUAN ĐẾN THÁI LAN	186
DS122 - Sắt, thép hợp kim dạng góc, khối, cắt và rầm chữ H (Ba Lan)	186

CÁC VỤ KIẾN LIÊN QUAN ĐẾN THỔ NHĨ KỲ	189
DS208 - Ống nối sắt, thép (Braxin)	189
CÁC VỤ KIẾN LIÊN QUAN ĐẾN TRINIDAD VÀ TOBACO	190
DS185, DS187 - Mỳ ống (Costa Rica)	190
CÁC VỤ KIẾN LIÊN QUAN ĐẾN TRUNG QUỐC	191
DS407 - Chốt cài sắt, thép (EU)	191
CÁC VỤ KIẾN LIÊN QUAN ĐẾN VENEZUELA	192
DS23 - Ống dẫn dầu (Mexico)	192
<u>Phụ lục 1:</u> Thỏa thuận ghi nhận về các quy tắc và thủ tục điều chỉnh việc giải quyết tranh chấp	193
<u>Phụ lục 2:</u> Hiệp định thực thi điều VI của Hiệp định chung về thuế quan và thương mại 1994	224

DANH MỤC VIẾT TẮT

ADA:	Hiệp định về chống bán phá giá của WTO
DOC:	Bộ Thương mại Hoa Kỳ
DSB:	Cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO
DSU:	Thỏa thuận ghi nhận về các quy tắc thủ tục điều chỉnh việc giải quyết tranh chấp
EC:	Cộng đồng Châu Âu
ITC:	Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ
SG:	Hiệp định về các biện pháp tự vệ
SCM:	Hiệp định về chống trợ cấp và thuế đối kháng